

No.	Vietnamese	English
1	cái đuôi	
2	cái chuông	
3	thần lẩn	
4	con thiên nga	
5	con khủng long	
6	côn trùng	
7	tuyệt chủng	
8	tạo vật	
9	con mèo con	
10	con cá voi	
11	con cá heo	
12	con rùa cạn	
13	con chuột (số ít/ số nhiều)	
14	con lạc đà	
15	con bộ hung	
16	con ốc sên	
17	lông mao	

18	con cá sấu	
19	con hươu cao cổ	
20	động vật nói chung	
21	con đại bàng	
22	tổ chim	
23	hoang dã	
24	cánh	
25	con dê	
26	con chó con	
27	thú cưng	
28	con vẹt	
29	con ngựa	
30	con sứa	